

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HC-ST

Ngày 27-9-2024

Về việc: Khiếu kiện quyết định bồi
thường, hỗ trợ và tái định cư khi
thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Chương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hồng Phong và ông Bùi Xuân Ván

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 56/2024/TLST-HC ngày 07 tháng 6 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HC ngày 12-8-2024; các Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2024/QĐST-HC ngày 28-8-2024 và số: 117/2024/QĐST-HC ngày 12-9-2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Anh Đàm Xuân T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Văn T1; địa chỉ: Thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Công D; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ - Có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Tuấn Đ, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Ông Trịnh Phú Y, chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- Ông Võ Công M, Nhân viên Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Ngọc A; chức vụ: Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ - Có đơn xét xử vắng mặt.

3.2. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-3-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 54, diện tích 2.717m² tọa lạc tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông do ông Đàm Văn T1 khai phá năm 1998 và có làm nhà ở trên diện tích đất này. Năm 2000, ông T1 được cấp GCNQSDĐ. Năm 2004, anh T (con ruột ông T1) kết hôn, không có đất canh tác nên ông T1 đã tặng cho anh T toàn bộ diện tích đất này để ở và canh tác (anh T đã xây dựng nhà cấp 4 để ở). Năm 2019 thì ông T1 và anh T thực hiện thủ tục tặng cho đúng quy định pháp luật và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ số CS 558174 ngày 05-11-2019. Tuy nhiên, do làm nông nghiệp không đủ sinh sống nên năm 2017 anh T đi làm ăn xa (làm tự do) để kiếm thêm tiền trang trải cuộc sống gia đình, nuôi 03 con nhỏ, vợ anh T (là chị N) vẫn tiếp tục canh tác trên diện tích đất này cho đến khi có thông báo thu hồi đất ngày 15-6-2022 thì chuyển đến ở tại thị trấn K (thuê nhà ở), sau đó khoảng 03-04 tháng cơ quan chức năng tổ chức kiểm đếm (lúc này không có ai ở nhà), chính quyền địa phương có mời ông T1 đại diện tham gia không yêu cầu anh T, chị N có mặt nên ông T1 đã tham gia kiểm đếm.

Sau đó, anh T nhận được Quyết định số: 2454/QĐ-UBND ngày 18-7-2023 của Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ thu hồi diện tích đất 2.408,6m² của gia đình anh T và Quyết định số: 2455/QĐ-UBND ngày 18-7-2023 của UBND huyện Đ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (viết tắt là QĐ số 2455) kèm theo phương án chi tiết. Anh Đàm Xuân T không đồng ý với QĐ số 2455 và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông hủy một phần QĐ số 2455 về nội dung ở tiểu mục 1, 2, 3 mục I Phần trong quy hoạch Phần B Nhà cửa, vật kiến trúc STT 22 Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tái định cư về tỷ lệ (%) 0,6 (*nhà rẫy phục vụ sản xuất nông nghiệp, tính bằng 60% đơn giá nhà ở*) và Phần D Chính sách hỗ trợ (anh T đồng ý với tiểu mục 1, 2 phần D chỉ yêu cầu thêm hỗ trợ tái định cư); buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện nhiệm vụ công vụ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư sửa đổi, bổ sung để tăng tỷ lệ (%) 0,6 thành 1,0 (vì đây là nhà ở, không phải nhà rẫy) và xem xét bố trí 01 lô tái định cư cho gia đình anh Đàm Xuân T với lý do: Thửa đất số 127, tờ bản đồ số 54, diện tích 2.717m² và căn nhà có diện tích khoảng 180m² trên đất là chỗ ở và canh tác duy nhất của anh T trên địa bàn xã Đ cũng như trên địa bàn toàn tỉnh Đắk Nông.

2. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Công D (người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện) trình bày:

UBND huyện Đ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ anh T căn cứ theo Giấy xác nhận ngày 07-4-2023 của UBND xã Đ về việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, công trình khác, tình trạng sử dụng đất, nhà ở và nhân khẩu của hộ anh Đàm Xuân T khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án ĐTXD công trình khai thác mỏ Bauxit Nhân C - Đ (Khai trường năm thứ 7 đến năm thứ 8). Tại Giấy xác nhận ngày 07-4-2023 nêu trên ghi nhận: Hộ gia đình anh Đàm Xuân T và bà Vũ Thị N (vợ) đăng ký thường trú tại thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có 05 nhân khẩu; tại thời điểm thu hồi cho đến thời điểm hiện tại thực tế gia đình không có mặt tại địa phương; về thông tin trên cơ sở dữ liệu địa chính của địa phương thì gia đình anh T không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã Đ, tại thời điểm kiểm đếm ngày 24-8-2022 trên thửa đất có 01 căn nhà xây diện tích khoảng 180m² không có người ở, UBND xã Đ xác nhận là nhà rẫy phục vụ sản xuất nông nghiệp. Căn cứ Điều 28 của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của UBND tỉnh Đ được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số: 46/2022/QĐ-UBND ngày 28-11-2022 của UBND tỉnh Đ thì gia đình anh T không đủ điều kiện bố trí tái định cư. Còn đối với UBND xã Đ đã thực hiện trình tự, thủ tục xác nhận hộ gia đình anh T không sinh sống trên căn nhà thu hồi (nhà rẫy để phục vụ sản xuất nông nghiệp) đúng với quy định tại Điều 35 Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Do đó, UBND huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông bác yêu cầu khởi kiện của anh T.

3. Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Ngọc A (người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ) trình bày:

Ngày 15-6-2022, UBND huyện Đ ban hành Thông báo số 85/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khai thác mỏ Bauxit Nhân C - Đắk Nông (Khai trường năm thứ 7-8), địa điểm: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Cùng ngày, UBND huyện Đ ban hành Thông báo số 131/TB-UBND về việc thu hồi 2.282,5m² đất của hộ anh Đàm Xuân T để thực hiện dự án nêu trên.

Ngày 10-02-2023, UBND xã Đ ban hành Quyết định số 10/QĐ- UBND thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất và công trình vật kiến trúc gắn liền với đất của các hộ dân có đất bị thu hồi thuộc dự án Khai thác mỏ Bauxit Nhân C - Đắk Nông (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn). Sau khi ban hành Quyết định, Hội đồng tư vấn đã tổ chức đi kiểm tra các công trình vật kiến trúc gắn liền với đất, liên quan đến các hộ dân bị giải toả, tại thời điểm kiểm tra chúng tôi ghi nhận tại hiện trường bằng hình ảnh và video các công trình vật kiến trúc của các hộ dân nằm trong vùng dự án. UBND xã đã niêm yết Thông báo

công khai số 04/TB-UBND ngày 08-3-2023 của UBND xã về kết quả, dự thảo xác nhận Nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, công trình khác đối với các hộ dân, tại nhà V, thời gian niêm yết là 07 ngày làm việc, kể từ ngày 09-3-2023 đến ngày 17-3-2023, có sự chứng kiến của người dân tại Thôn A và Trưởng thôn là ông Phạm Văn T2. Hết thời gian niêm yết UBND xã không nhận được ý kiến đóng góp, kiến nghị nào của anh Đàm Xuân T. Hội đồng tư vấn đã tiến hành tiến hành xác minh thực thực tế, bỏ phiếu lấy ý kiến về về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở của các hộ dân trong khu vực dự án, cụ thể:

Ngày 27-3-2023, Hội đồng tư vấn đã tổ chức xác minh về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở của hộ anh Đàm Xuân T. Đoàn xác minh bao gồm thành viên Hội đồng tư vấn và đại diện 02 hộ dân có đất bị thu hồi trong vùng dự án là ông Nguyễn Hữu X và ông Võ Duy T3. Đoàn xác minh đã kết luận hộ gia đình hộ anh T không sinh sống trên căn nhà bị thu hồi. Theo GCNQSDĐ số CS 558174, do UBND huyện Đ' Lập cấp cho ông Đàm Xuân T4 ngày 15-11-2019 đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 54 (nay bị thu hồi một phần trong dự án này) ghi địa chỉ thửa đất thuộc Thôn F, xã Đ, huyện Đ Lập là ghi là ghi theo địa giới hành chính cũ, do người sử dụng đất chưa đăng ký biến động về địa chỉ thửa đất sang Thôn A, xã Đ, huyện Đ. Thực chất diện tích đất anh T4 bị thu hồi thuộc Thôn A trong khi nơi đăng ký thường trú là Thôn 6 nên không cùng một địa chỉ và việc UBND xã xác nhận anh T4 không sinh sống trên đất là hoàn toàn chính xác. Cùng ngày 27-3-2023, Hội đồng tư vấn đã lập P lấy ý kiến về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở gồm các thành phần Hội đồng tư vấn và đại diện Ban tự quản thôn 13 (do ông Phạm Văn T2 tham gia) cùng với đại diện hai hộ dân. Theo Phiếu lấy ý kiến này các thành phần tham gia đều xác nhận hộ gia đình anh Đàm Xuân T không sinh sống trên đất thu hồi.

Ngày 29-3-2023, Hội đồng tư vấn tổ chức bỏ phiếu kín lấy ý kiến xác định hộ gia đình sống trực tiếp trên căn nhà bị thu hồi trong vùng dự án với sự có mặt của 11 thành viên. Đối với hộ anh Đàm Xuân T kết quả kiểm phiếu xác định hộ anh T không sinh sống trong căn nhà bị giải tỏa.

Ngày 07-4-2023, UBND xã Đ ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, thời điểm xây dựng nhà ở, tình trạng đất ở, nhà ở và nhân khẩu của hộ anh Đàm Xuân T. Về nội dung xác nhận hộ gia đình có sinh sống trên căn nhà bị thu hồi, UBND xã đã xác nhận hộ anh T không sinh sống trong căn nhà bị giải tỏa, nhà để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Như vậy, về trình tự ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, nhà ở và nhân khẩu của hộ anh Đàm Xuân T để làm căn cứ xét duyệt bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án này, UBND xã Đ đã thực hiện đúng thẩm quyền và đầy đủ các thủ tục, kết quả gia đình anh Đàm Xuân T không sinh sống trên thửa đất bị giải tỏa là hoàn toàn khách quan chính xác, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. *Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị N trình bày:* Chị N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Xuân T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung khởi kiện; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: trình tự, thủ tục ban hành QĐ số 2455 thực hiện đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án và phiên tòa xét xử công khai, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18-7-2023, UBND huyện Đ ban hành QĐ số 2455 cho hộ anh T. Ngày 25-3-2024, anh T khởi kiện vụ án là còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung khởi kiện của người khởi kiện:

[2.1]. Ngày 26-9-2016, ông Đàm Văn T1 và bà Phan Thị N1 được cấp GCNQSDĐ số CD 605037 đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (bút lục số 123, 124). Ngày 24-7-2019, ông bà làm thủ tục tách thành 03 thửa đất và tặng cho thửa đất số 127, tờ bản đồ số 54 cho anh Đàm Xuân T. Ngày 05-11-2019, anh T được cấp GCNQSDĐ số CS 558174 đối với thửa đất số 127, tờ bản đồ số 54, địa chỉ thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (bút lục số 03).

[2.2]. Tại Phiếu xác nhận thông tin về cư trú số: 277/XN ngày 14-3-2023 của Công an xã Đ (bút lục số 100) xác nhận gia đình anh T gồm anh T, chị vũ Thị N (vợ) và 03 con có đăng ký thường trú tại thôn F, xã Đ và Sổ hộ khẩu (bút lục số 14a) thể hiện gia đình anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn F, xã Đ từ ngày 20-01-2014.

[2.3]. Như vậy, gia đình anh Tân sinh S tại căn nhà trên thửa đất bị thu hồi đã có đăng ký thường trú tại thôn F, xã Đ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật Cư trú: *“Công dân có chỗ ở hợp pháp thuộc quyền sở hữu của mình thì được đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp đó”*. Vì vậy, khi địa giới hành chính có thay đổi, tại thời điểm thu hồi đất thì thửa đất thuộc thôn A, xã Đ nhưng anh T vẫn chưa thực hiện đăng ký thay đổi về địa chỉ thửa đất và nơi thường trú. Tuy

nhiên, điều này không làm ảnh hưởng đến việc xác định nơi ở trên địa bàn xã Đ đối với gia đình anh T (vì căn nhà này vẫn là chỗ ở duy nhất trên địa bàn xã Đ của gia đình anh T, theo mục 6 Giấy xác nhận ngày 07-4-2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ).

[2.4]. Bên cạnh đó, anh T được tặng cho diện tích đất 2.717m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm: Diện tích đất này đối với gia đình làm nông nghiệp là quá ít để canh tác nên việc anh T và chị N đi làm thêm công việc khác là sự tự do làm việc (P1 không cấm); đồng thời, anh T và chị N đều đi làm thuê, không có nhà ở, chỉ ở trọ.

[2.5]. Vì vậy, có căn cứ xác định căn nhà trên diện tích đất bị thu hồi là nhà ở trên đất nông nghiệp duy nhất trên địa bàn xã Đ đối với gia đình anh T (căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì đây là nhà xây kiên cố, móng đá hộc, nền lát gạch men, ốp chân tường gạch men, có 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 phòng bếp và 01 nhà vệ sinh khép kín, cửa kính...). Song, Giấy xác nhận ngày 07-4-2023 của UBND xã Đ, xác nhận: Hộ gia đình anh Đàm Xuân T và bà Vũ Thị N (vợ) đăng ký thường trú tại thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có 05 nhân khẩu; tại thời điểm thu hồi cho đến thời điểm hiện tại thực tế gia đình không có mặt tại địa phương; về thông tin trên cơ sở dữ liệu địa chính của địa phương thì gia đình anh T không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn xã Đ, tại thời điểm kiểm đếm ngày 24-8-2022 trên thửa đất có 01 căn nhà xây diện tích khoảng 180m² không có người ở, UBND xã Đ xác nhận là nhà rẫy phục vụ sản xuất nông nghiệp là không đúng quy định pháp luật, không phù hợp với thực tế của người dân lao động.

[2.6]. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 1 Quyết định số: 46/2022/QĐ-UBND ngày 28-11-2022 của UBND tỉnh Đ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ quy định: “ Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết của các công ty nông, lâm nghiệp, đất nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế chưa làm thủ tục theo quy định), nếu tại thời điểm có chủ trương, kế hoạch thu hồi đất của cấp có thẩm quyền không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được giao 01 (một) thửa đất ở tại nơi tái định cư có thu tiền sử dụng đất.”, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T về việc hủy một phần QĐ số 2455 về nội dung ở tiểu mục 1, 2, 3 mục I Phần trong quy hoạch Phần B Nhà cửa, vật kiến trúc STT 22 Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tái định cư về tỷ lệ (%) 0,6 (nhà rẫy phục vụ sản xuất nông nghiệp, tính bằng 60% đơn giá nhà ở) và Phần D Chính sách hỗ trợ (anh T đồng ý với tiểu mục 1, 2 phần D chỉ yêu cầu thêm hỗ trợ tái định cư); buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Đàm Xuân T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng Quyết định số: 03/2021/QĐ-UBND ngày 22-01-2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; khoản 4 Điều 1 Quyết định số: 46/2022/QĐ-UBND ngày 28-11-2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đàm Xuân T:

1.1. Hủy một phần Quyết định số: 2455/QĐ-UBND ngày 18-7-2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo phương án chi tiết, cụ thể: Tiểu mục 1, 2, 3 mục I Phần trong quy hoạch Phần B Nhà cửa, vật kiến trúc STT 22 Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tái định cư về tỷ lệ (%) 0,6 (*nhà rẫy phục vụ sản xuất nông nghiệp, tính bằng 60% đơn giá nhà ở*) và Phần D Chính sách hỗ trợ (anh Đàm Xuân T đồng ý với tiểu mục 1, 2 phần D chỉ yêu cầu thêm hỗ trợ tái định cư).

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho anh Đàm Xuân T 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002190 ngày 31-5-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: THC; Tổ HCTP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

Nguyễn Hồng Chương